

Số: /KH-UBND Bình Phước, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi, giai đoạn 2022 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Căn cứ Quyết định số 2156/QĐ-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi giai đoạn 2021 - 2030;

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bình Phước ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi (NCT) giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng: NCT, ưu tiên NCT có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật; hộ gia đình có NCT; Hội NCT và các cơ quan, tổ chức có liên quan đến NCT.

2. Phạm vi: Chương trình được thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ NCT GIAI ĐOẠN 2012-2020

1. Kết quả đạt được

a) Công tác chỉ đạo, xây dựng văn bản hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện

Căn cứ Luật NCT, Kế hoạch số 26-KH/TU ngày 29/7/2011 của Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Thông báo kết luận số 305-TB/TW ngày 03/2/2010 của Ban Bí thư về kết quả thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW ngày 27/9/1995 của Ban Bí thư (khóa VII) về chăm sóc NCT, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 30/12/2011 về việc thực hiện Chương trình hành động quốc gia về NCT tỉnh Bình Phước giai đoạn 2011 - 2015 (Kế hoạch số 173/KH-UBND); Quyết định số 1772/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về NCT tỉnh Bình Phước giai đoạn 2014 - 2020 (Quyết định số 1772/QĐ-UBND). Các Sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về NCT của đơn vị, địa phương và triển khai thực hiện tốt công tác chăm sóc phát huy vai trò NCT.

Hàng năm, các Sở, ban, ngành tỉnh; UBND các huyện, thị xã và thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao căn cứ Kế hoạch số 173/KH-UBND; Quyết định số 1772/QĐ-UBND của UBND tỉnh triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động quốc gia về NCT trên địa bàn tỉnh.

b) Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách đối với NCT

Ngay sau khi Luật NCT được ban hành và có hiệu lực, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện và chỉ đạo phân công trách nhiệm các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào chức năng nhiệm vụ tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của NCT, phổ biến các kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho NCT, xây dựng các mô hình về chăm sóc và phát huy vai trò của NCT ở các xã, phường, thị trấn.

Các cấp Hội NCT trong tỉnh đã tuyên truyền tới cán bộ, hội viên và nhân dân chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về NCT, đồng thời tuyên truyền những quy định về quyền và nghĩa vụ của NCT, trách nhiệm của gia đình và xã hội trong việc phụng dưỡng chăm sóc và phát huy vai trò của NCT.

c) Công tác kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện

Hằng năm, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được phân công, các Sở, ngành, Hội NCT các cấp, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã kịp thời triển khai các chế độ chính sách đối với NCT đồng thời tiến hành tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát, đánh giá công tác thực hiện Luật Người cao. Qua kiểm tra các đơn vị đã thực hiện tốt các chính sách đối với NCT.

d) Công tác phối hợp tổ chức thực hiện Chương trình hành động quốc gia

* Công tác chăm sóc sức khỏe NCT

- 100% NCT trên địa bàn tỉnh thuộc diện hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội (BHXH), trợ cấp bảo trợ xã hội thường xuyên, thuộc hộ nghèo đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT).

- Các đơn vị y tế từ tỉnh tới huyện, xã phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai tuyên truyền về chăm sóc sức khỏe, phòng, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho trên 18.000 NCT tại cộng đồng và gia đình. Các cơ sở khám chữa bệnh đã triển khai lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe, khám bệnh định kỳ cho NCT. Hiện nay Bệnh viện đa khoa tỉnh đã có khoa Lão chuyên chữa bệnh cho NCT.

* Chăm sóc NCT trong hoạt động văn hóa, giáo dục, thể thao, giải trí, du lịch, giao thông công cộng

Hệ thống nhà văn hóa tỉnh, huyện, xã, thôn ấp dần được hoàn thiện góp phần tích cực phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể dục thể thao của NCT. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có trên 70% xã, phường, thị trấn thành lập được câu lạc bộ văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao của NCT.

Định kỳ 02 năm 01 lần, tỉnh đã tổ chức Hội thao NCT tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh với 4 môn thi, thu hút mỗi đợt tổ chức gần 500 NCT ở các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh tham gia.

* Bảo trợ xã hội đối với NCT

- Các chế độ bảo trợ xã hội đối với NCT tại cộng đồng được triển khai thực hiện tốt. NCT hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng được hưởng các chế độ

về BHYT, hỗ trợ mai táng phí khi từ trần. Giai đoạn 2012 - 2020, toàn tỉnh có 129.164 lượt NCT (NCT neo đơn thuộc hộ nghèo và NCT từ 80 trở lên) được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng; xây mới 856 căn nhà cho NCT; 129.164 lượt NCT được cấp miễn phí thẻ BHYT.

Về hỗ trợ mai táng phí: NCT được hưởng trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng khi chết được hỗ trợ tiền mai táng phí theo quy định hiện hành.

Việc thực hiện chế độ BHXH đối với NCT tại Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh đúng, đủ theo quy định.

*** Công tác phát huy vai trò của NCT**

Thông qua các phong trào thi đua “Tuổi cao - Gương sáng”, của tỉnh đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, phát huy trí tuệ và phẩm chất tốt đẹp trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm nòng cốt trong cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”. Ngoài ra NCT còn là trụ cột trong gia đình dòng họ, giáo dục, dạy dỗ con cháu truyền thống gia đình, truyền thống yêu nước, uống nước nhớ nguồn, tham gia xây dựng hương ước, quy ước xã, cụm dân cư, hòa giải các tranh chấp, mâu thuẫn trong gia đình, họ tộc, cộng đồng dân cư, giữ gìn truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

đ) Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Hàng năm các Sở, ngành, địa phương cân đối kinh phí trong dự toán được giao đảm bảo triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Đảng, nhà nước, địa phương đối với NCT.

e) Kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu và nội dung hoạt động của Chương trình hành động quốc gia về NCT.

Nhìn chung, sau 09 năm triển khai thực hiện, UBND các cấp luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức Hội NCT ở địa phương hoạt động, nhiều mô hình phát huy vai trò NCT trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; phát huy kinh nghiệm, sáng kiến của NCT trong hoạt động xây dựng Đảng, chính quyền, trong các phong trào văn hóa - xã hội, giảm nghèo, thể dục - thể thao, văn nghệ.

Nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và bản thân NCT về vấn đề NCT và công tác NCT từng bước được nâng lên, đã phát huy được truyền thống đạo lý “kính lão trọng thọ” của dân tộc trong hoạt động chăm sóc phụng dưỡng NCT. Công tác chúc thọ, mừng thọ được tiếp tục duy trì và phát huy.

Các phong trào hoạt động của Hội NCT có chất lượng và hiệu quả, NCT có nhiều hoạt động phát huy vai trò, tham gia các công tác Đảng, chính quyền và đoàn thể tại cơ sở, tham gia các Câu lạc bộ dưỡng sinh, thể thao, văn nghệ ... đặc biệt là hoạt động hỗ trợ đối với NCT cô đơn, NCT thuộc hộ nghèo đã có những chuyển biến tích cực, tiếp cận và thụ hưởng những chính sách tương đối toàn diện.

Bên cạnh nguồn lực của Nhà nước, công tác xã hội hóa về lĩnh vực chăm sóc, phát huy vai trò NCT cũng được chú trọng, nhiều tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia hoạt động chăm lo cho NCT, đặc biệt là đối với NCT cô đơn, không nơi nương tựa, NCT thuộc diện hộ nghèo.

Các chỉ tiêu cụ thể của tỉnh đều được triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

- 100% NCT từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi và NCT từ đủ 80 tuổi trở lên thuộc hộ gia đình nghèo, gia đình khó khăn không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng, người từ đủ 80 tuổi trở lên không có lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng, được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng, được hưởng BHYT và được hỗ trợ mai táng phí khi chết theo quy định.

- 100% NCT thuộc hộ gia đình nghèo hoặc gia đình khó khăn không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, không có điều kiện sống ở cộng đồng, có nguyện vọng vào cơ sở bảo trợ xã hội được tiếp nhận và cơ sở bảo trợ xã hội.

- 95% NCT được phụng dưỡng, chăm sóc đời sống cả về vật chất và tinh thần.

- 90% NCT được khám, chữa bệnh và được chăm sóc sức khỏe tại nơi cư trú. NCT khi bệnh tật đau yếu được khám điều trị bệnh, được hưởng sự chăm sóc của gia đình, cộng đồng xã hội.

- 60% NCT tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, giải trí du lịch, sử dụng công trình công cộng và tham gia giao thông công cộng.

- 30% số xã, phường, thị trấn có câu lạc bộ sinh hoạt NCT tự giúp nhau hoặc mô hình khác nhau nhằm chăm sóc và phát huy vai trò NCT.

- 100% Hội NCT ở các cấp được củng cố và tổ chức nâng cao chất lượng hoạt động; 70% NCT là hội viên Hội NCT ở cơ sở; 60% ban chấp hành hội đạt danh hiệu thi đua “Tuổi cao gương sáng”.

- 110/111 xã, phường, thị trấn của tỉnh có Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT hoạt động có hiệu quả.

f) Tổ chức bộ máy, nhân lực làm công tác chăm sóc NCT.

- Cấp tỉnh: Ban công tác NCT cấp tỉnh gồm 24 thành viên do Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban; Hội NCT tỉnh có 06 cán bộ.

- Cấp huyện: Có 11/11 huyện, thị xã, thành phố thành lập Ban công tác NCT cấp huyện; Hội NCT huyện có từ 02 đến 04 cán bộ.

- Cấp xã: Có 111 Ban Chấp hành Hội NCT xã, phường, thị trấn bố trí từ 01 đến 02 cán bộ với 870 chi hội và 2.459 tổ hội.

g) Mạng lưới các tổ chức cung cấp dịch vụ đối với NCT: Trên địa bàn tỉnh có 01 cơ sở bảo trợ xã hội công lập (Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh) hiện đang chăm sóc, nuôi dưỡng 32 NCT theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC, được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, các chế độ chăm sóc khác và hỗ trợ chi phí mai táng khi từ trần.

2. Khó khăn tồn tại

- Ban Công tác NCT gặp nhiều khó khăn trong triển khai nhiệm vụ, chưa có cán bộ chuyên trách, chủ yếu do cán bộ ngành Lao động - Thương binh và Xã hội cấp xã kiêm nhiệm. Cán bộ Hội đa số tuổi cao, sức yếu.

- Một số chính sách đối với NCT chưa sát với thực tế hoặc khó thực hiện.

- Kinh phí triển khai thực hiện Chương trình, Đề án, Kế hoạch có liên quan đến NCT còn hạn hẹp, kết quả đạt được chưa cao.

- Việc khám sức khỏe định kỳ cho NCT chưa toàn diện cho tất cả NCT, do nguồn kinh phí của tỉnh còn hạn hẹp.

- Một số NCT sức khỏe yếu, nhiều bệnh, đi lại khó khăn nên không thể đến cơ sở tế khám, chữa bệnh theo định kỳ. Trạm Y tế không đủ nhân lực và kinh phí để thực hiện khám tại nhà 100% cho các đối tượng này.

- Nhiều doanh nghiệp vận tải chưa thật sự quan tâm giảm giá vé cho NCT.

III. MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA VỀ NCT GIAI ĐOẠN 2022 - 2030

1. Mục tiêu

1.1 Mục tiêu chung

a) Phát huy tối đa tiềm năng, vai trò, kinh nghiệm, tri thức của NCT tham gia vào các hoạt động văn hóa, xã hội, giáo dục, việc làm, kinh tế, chính trị của tỉnh phù hợp với nguyện vọng, nhu cầu, khả năng; thực hiện đầy đủ các quyền lợi và nghĩa vụ của NCT.

b) Tăng cường sức khỏe về thể chất và tinh thần, phòng chống ngược đãi NCT; nâng cao chất lượng mạng lưới y tế chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh, khám, chữa bệnh và quản lý các bệnh mãn tính cho NCT; xây dựng môi trường thuận lợi để NCT tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, vui chơi, giải trí.

c) Nâng cao chất lượng đời sống vật chất của NCT; hoàn thiện chính sách trợ giúp xã hội hướng tới đảm bảo mức sống tối thiểu cho NCT; phát triển, nâng cao chất lượng hệ thống dịch vụ chăm sóc xã hội NCT, chú trọng NCT khuyết tật, NCT thuộc diện nghèo không có người phụng dưỡng, NCT dân tộc thiểu số; huy động khu vực tư nhân vào tham gia cung cấp dịch vụ chăm sóc NCT.

1.2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2022 - 2025

- Ít nhất 100 NCT được hỗ trợ hướng nghiệp, đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở trợ giúp xã hội, trung tâm dịch vụ việc làm; ít nhất 100 hộ gia đình có NCT có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn khởi nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh với lãi suất ưu đãi.

- Ít nhất 60% số xã, phường, thị trấn có các loại hình câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của NCT, thu hút ít nhất 50% NCT tham gia luyện tập thể dục, thể thao, ít nhất 10% NCT tham gia văn hóa, văn nghệ.

- Ít nhất 50% số xã, phường, thị trấn có câu lạc bộ liên thể hệ tự giúp nhau hoặc các mô hình câu lạc bộ khác chăm sóc và phát huy vai trò NCT, thu hút ít nhất 70% NCT trên địa bàn tham gia.

- Ít nhất 80% xã, phường, thị trấn có Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT.

- 95% NCT có thẻ bảo hiểm y tế; ít nhất 90% NCT được chăm sóc sức khỏe ban đầu kịp thời, khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe; 100% NCT khi ốm đau, dịch bệnh được khám chữa bệnh và được hưởng sự chăm sóc của gia đình và cộng đồng.

- 50% bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa (trừ bệnh viện chuyên khoa nhi, bệnh viện điều dưỡng - phục hồi chức năng), bệnh viện y học cổ truyền có quy mô từ 50 giường bệnh trở lên tổ chức buồng khám bệnh riêng cho NCT tại khoa khám bệnh, bố trí giường bệnh điều trị nội trú cho NCT và 50% các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp tỉnh có khoa lão.

- Hàng năm, ít nhất 80% NCT có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật được tiếp cận các dịch vụ y tế dưới nhiều hình thức khác nhau; 70% NCT khuyết tật được sàng lọc, phát hiện các dạng khuyết tật và được can thiệp, phục hồi chức năng; ít nhất 100 NCT có hoàn cảnh khó khăn, không có người phụng dưỡng được chăm sóc, phục hồi chức năng và trợ giúp phù hợp tại các cơ sở phục hồi chức năng và cơ sở trợ giúp xã hội.

- 100% NCT tâm thần nặng, NCT lang thang được tiếp nhận, chăm sóc, phục hồi chức năng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

- 100% NCT không phải sống trong nhà tạm, dột nát.

- 100% NCT nghèo, không có người phụng dưỡng được hưởng các chính sách trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật.

- Ít nhất 80% NCT có khó khăn về tài chính, bị bạo lực, bạo hành được cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.

- Ít nhất 50% gia đình có NCT bị bệnh suy giảm trí nhớ, khuyết tật nặng và có vấn đề khó khăn khác được tập huấn, hướng dẫn, nâng cao nhận thức, kỹ năng về chăm sóc, trợ giúp và phục hồi chức năng cho NCT.

- Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước có chuyên mục về NCT phát hành, truyền dẫn, phát sóng ít nhất 01 lần/tuần; ít nhất 50% NCT tiếp cận và sử dụng được các sản phẩm công nghệ thông tin, truyền thông.

b) Giai đoạn 2026 - 2030

- Ít nhất 70% NCT có nhu cầu, khả năng lao động có việc làm; ít nhất 200 NCT được hỗ trợ hướng nghiệp, đào tạo chuyên đổi nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở trợ giúp xã hội, trung tâm dịch vụ việc làm; ít nhất 200 hộ gia đình có NCT có nhu cầu và đủ điều kiện được vay vốn khởi nghiệp, phát triển sản xuất, kinh doanh với lãi suất ưu đãi.

- Ít nhất 90% số xã, phường, thị trấn có các loại hình câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của NCT, thu hút ít nhất 70% NCT tham gia luyện tập thể dục, thể thao, ít nhất 20% NCT tham gia văn hóa, văn nghệ.

- Ít nhất 80% số xã, phường, thị trấn có Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau hoặc các mô hình câu lạc bộ khác chăm sóc và phát huy vai trò NCT, bảo đảm 70% NCT trên địa bàn tham gia.

- 100% xã, phường, thị trấn có Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT.

- 100% NCT có thẻ bảo hiểm y tế; 100% NCT được chăm sóc sức khỏe ban đầu kịp thời, khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe; 100% NCT khi ốm đau, dịch bệnh được khám chữa bệnh và được hưởng sự chăm sóc của gia đình và cộng đồng.

- 90% bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa (trừ bệnh viện chuyên khoa nhi, bệnh viện điều dưỡng - phục hồi chức năng), bệnh viện y học cổ truyền có quy mô từ 50 giường bệnh trở lên tổ chức buồng khám bệnh riêng cho NCT tại khoa khám bệnh, bố trí giường bệnh điều trị nội trú cho NCT và 100% các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa cấp tỉnh có khoa lão khoa.

- Hàng năm, khoảng 90% NCT có hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật được tiếp cận các dịch vụ y tế dưới nhiều hình thức khác nhau; 80% NCT khuyết tật được sàng lọc, phát hiện các dạng khuyết tật và được can thiệp, phục hồi chức năng; khoảng 200 NCT có hoàn cảnh khó khăn, không có người phụng dưỡng được chăm sóc, phục hồi chức năng và trợ giúp phù hợp tại các cơ sở phục hồi chức năng và cơ sở trợ giúp xã hội.

- 100% NCT tâm thần nặng, NCT lang thang được tiếp nhận, chăm sóc, phục hồi chức năng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

- 100% NCT không phải sống trong nhà tạm, dột nát.

- 100% NCT nghèo, không có người phụng dưỡng được hưởng các chính sách trợ giúp xã hội phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Ít nhất 90% NCT có khó khăn về tài chính, bị bạo lực, bạo hành được cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.

- Ít nhất 70% gia đình có NCT bị bệnh suy giảm trí nhớ, khuyết tật nặng và có vấn đề khó khăn khác được tập huấn, hướng dẫn, nâng cao nhận thức, kỹ năng về chăm sóc, trợ giúp và phục hồi chức năng cho NCT.

- Đài PTTH và Báo Bình Phước có chuyên mục về NCT phát hành, truyền dẫn, phát sóng ít nhất 2 lần/tuần; ít nhất 80% NCT tiếp cận và sử dụng được các sản phẩm công nghệ thông tin, truyền thông.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

2.1. Trợ giúp y tế, chăm sóc sức khỏe NCT

a) Triển khai kịp thời chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám sức khỏe định kỳ, lập sổ quản lý theo dõi sức khỏe NCT ở y tế tuyến xã, ưu tiên nhóm NCT từ đủ 80 tuổi trở lên và từng bước mở rộng đến nhóm từ 65 tuổi trở lên; thực hiện khám chữa bệnh tại nhà cho NCT không có điều kiện đến cơ sở khám chữa bệnh.

b) Phát triển khoa lão khoa tại các bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh; bệnh viện tuyến huyện có bộ phận lão khoa.

d) Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ phát hiện sớm bệnh tật, chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng và phẫu thuật chỉnh hình, cung cấp dụng cụ trợ giúp cho NCT.

đ) Phát triển mạng lưới nhân viên chăm sóc, thực hiện tư vấn chăm sóc sức khỏe cho NCT tại nhà và cộng đồng; tổ chức tập huấn, huấn luyện và hướng dẫn để NCT tự chăm sóc sức khỏe, thành viên gia đình chăm sóc sức khỏe cho NCT.

2.2. Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội cung cấp dịch vụ chăm sóc, phục hồi chức năng đối với NCT

a) Thực hiện quy hoạch, phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc, phục hồi chức năng cho NCT (công lập và ngoài công lập).

b) Đề nghị Trung ương hỗ trợ đầu tư cho các cơ sở trợ giúp xã hội về cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị đạt tiêu chuẩn quy định, bảo đảm có các phân khu chức năng, các hạng mục công trình đáp ứng hoạt động chăm sóc, phục hồi chức năng cho NCT; Triển khai thực hiện các tiêu chuẩn và cung cấp dịch vụ chăm sóc, phục hồi chức năng, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ cho NCT.

c) Đề nghị Trung ương hỗ trợ thí điểm mô hình chăm sóc dài hạn đối với NCT; mô hình nhà xã hội an toàn tại cộng đồng cho NCT độc thân, NCT cô đơn không nơi nương tựa; hỗ trợ thí điểm ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần đối với khu vực tư nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc NCT có hoàn cảnh khó khăn.

2.3. Trợ giúp giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế, nhà ở cho NCT

a) Thực hiện giới thiệu việc làm, hướng nghiệp cho NCT, ưu tiên hỗ trợ NCT có hoàn cảnh khó khăn.

b) Hỗ trợ thí điểm mô hình khởi nghiệp phù hợp với NCT; hỗ trợ các cơ sở của NCT phát triển sản xuất kinh doanh, dịch vụ phù hợp quy mô, trình độ quản lý.

c) Hỗ trợ thí điểm mô hình sinh kế đối với gia đình có NCT; ưu tiên được vay vốn với lãi suất ưu đãi để tạo việc làm, tăng thu nhập.

d) Hỗ trợ xây dựng mô hình nhà xã hội chăm sóc NCT độc thân, NCT cô đơn không nơi nương tựa, bảo đảm NCT không phải sống trong nhà dột, nát.

2.4. Trợ giúp NCT tham gia hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch

a) Hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố thành lập và phát triển hệ thống câu lạc bộ về văn hóa, thể dục, thể thao phù hợp đối với NCT; nhân rộng mô hình

Câu lạc bộ liên thể hệ giúp nhau chăm sóc NCT có hoàn cảnh khó khăn ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng.

b) Phát triển các môn thể thao phù hợp với NCT tham gia tập luyện, thi đấu; tổ chức các giải thể thao, hội thi, hoạt động văn hóa ở cơ sở phù hợp với sự tham gia của NCT.

c) Hệ thống thư viện hình thành môi trường đọc thân thiện, đa dạng hóa các dịch vụ và sản phẩm thông tin, thư viện và các điều kiện phù hợp với NCT;

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ để NCT có thể nắm được thông tin về các điểm tham quan du lịch, nhà hàng, khách sạn, phương tiện.

đ) Tham gia tập huấn sáng tác hội họa, âm nhạc, thơ ca cho NCT; tập huấn nghiệp vụ cho các hướng dẫn viên về kỹ năng, phương pháp hỗ trợ NCT khi tham gia các hoạt động du lịch.

e) Hướng dẫn các đơn vị, tổ chức vận tải, quản lý các công trình văn hóa thực hiện chính sách giảm giá vé cho NCT khi tham gia giao thông, tham quan, du lịch.

g) Triển khai thực hiện các thiết chế văn hóa cộng đồng; xây dựng nếp sống, môi trường ứng xử văn hóa phù hợp đối với NCT ở cộng đồng và gia đình; khuyến khích con cháu, dòng họ, cộng đồng xã hội chăm sóc NCT.

2.5. Phát huy vai trò NCT

a) Động viên, khuyến khích NCT phát huy trí tuệ, kinh nghiệm tích cực xây dựng gia đình, dòng họ, cộng đồng xã hội gắn kết, văn minh; nêu gương sáng, chỉ bên cho con, cháu noi theo.

b) Vận động NCT tham gia các hoạt động kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội tại địa phương; phát triển phong trào già làng, trưởng bản, NCT có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa để xây dựng làng văn hóa, phát huy bản sắc dân tộc, xóa bỏ hủ tục lạc hậu.

2.6. Trợ giúp NCT sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

a) Duy trì, phát triển, nâng cấp các cổng, trang tin điện tử hỗ trợ NCT;

b) Triển khai thực hiện các công nghệ, công cụ, tài liệu phục vụ đào tạo NCT sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông phục vụ hoạt động học tập, giảng dạy, truyền nghề, sản xuất kinh doanh, phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, nâng cao chất lượng cuộc sống của NCT.

2.7. Trợ giúp pháp lý đối với NCT

a) Tăng cường thực hiện hoạt động trợ giúp pháp lý tại xã, phường, thị trấn nơi có nhiều NCT khó khăn về tài chính, bị bạo lực, bạo hành có nhu cầu trợ giúp pháp lý và tại Hội NCT, các câu lạc bộ NCT, các cơ sở trợ giúp xã hội khi có yêu cầu và phù hợp với điều kiện của địa phương.

b) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, tăng cường năng lực cho đội ngũ thực hiện công tác trợ giúp pháp lý đối với NCT.

c) Truyền thông về trợ giúp pháp lý đối với NCT thông qua các hoạt động thích hợp.

2.8. Phòng chống dịch bệnh, giảm nhẹ thiên tai đối với NCT

a) Xây dựng tài liệu và tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác trợ giúp hoạt động phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai đối với NCT.

b) Xây dựng mô hình phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với NCT.

c) Ứng dụng công nghệ giúp NCT nhận thông tin cảnh báo sớm để ứng phó với dịch bệnh và thiên tai.

2.9. Nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức và cộng tác viên làm công tác trợ giúp NCT

a) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trợ giúp xã hội, phục hồi chức năng; đào tạo kỹ năng chuyên sâu về công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe NCT cho 2.000 cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên và cộng tác viên công tác xã hội (bình quân 220 người/năm).

c) Tập huấn cho cán bộ, nhân viên, cộng tác viên và gia đình NCT về kỹ năng, phương pháp chăm sóc và phục hồi chức năng cho NCT; kỹ năng cho gia đình, NCT để chăm sóc và phục hồi chức năng cho NCT tại cộng đồng.

d) Tập huấn, bồi dưỡng định kỳ; tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm; tham gia các lớp tập huấn giảng viên nguồn do Trung ương tổ chức.

đ) Phối hợp với các trường Đại học để đào tạo bác sĩ, cán bộ y tế, cán bộ và nhân viên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

2.10. Tăng cường truyền thông, hợp tác quốc tế về NCT và vấn đề già hóa dân số

a) Đa dạng hóa hình thức truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp, ngành và cộng đồng xã hội về tác động và thích ứng với vấn đề già hóa dân số, biến đổi khí hậu, dịch bệnh, cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số tác động đến đời sống của NCT; trách nhiệm của gia đình, cộng đồng xã hội và nhà nước trong việc chăm sóc, phát huy vai trò của NCT.

b) Tuyên truyền về chính sách, pháp luật về NCT; các mô hình chăm sóc NCT ở cộng đồng, mô hình hoạt động văn hóa, thể thao; mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả; phổ biến gương điển hình NCT trong hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

c) Chỉ đạo các cơ quan báo chí thông tin, tuyên truyền việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu và phổ biến pháp luật về NCT, kỹ năng chăm sóc NCT cho gia đình NCT, cán bộ, nhân viên trợ giúp xã hội, công tác xã hội.

d) Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế, thu hút các chương trình của các tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư nước ngoài vào chăm sóc, phát huy vai trò NCT.

2.11. Triển khai thực hiện hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá; cơ sở dữ liệu về NCT

a) Thực hiện khảo sát đánh giá Chương trình giữa kỳ vào năm 2025 và cuối kỳ vào năm 2030 làm cơ sở đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo, phổ biến thông tin kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình theo quy định của Trung ương.

b) Tổ chức điều tra cấp quốc gia về NCT; xây dựng cơ sở dữ liệu, khảo sát, xây dựng hệ thống thông tin quản lý NCT theo quy định của Trung ương.

2.12. Hỗ trợ hoạt động đối với tổ chức của NCT

a) Triển khai chính sách hỗ trợ hoạt động Hội NCT các cấp theo quy định của Trung ương.

b) Phát triển Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT, các mô hình câu lạc bộ, nhất là mô hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau; các phong trào chăm sóc phát huy vai trò NCT và phong trào tham gia xây dựng nông thôn mới; bảo vệ môi trường; phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Từ nguồn ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm; các chương trình, dự án, đề án liên quan khác để thực hiện các hoạt động của Chương trình theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước.

2. Đóng góp, hỗ trợ hợp pháp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT các cấp.

3. Sở, ngành tỉnh và địa phương lập dự toán ngân sách hàng năm để thực hiện Chương trình và quản lý, sử dụng kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực Ban Công tác NCT tỉnh, chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình, có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện việc chăm sóc và phục hồi chức năng tại các cơ sở trợ giúp xã hội, chăm sóc và phục hồi chức năng của ngành.

b) Nhân rộng mô hình cơ sở trợ giúp xã hội chăm sóc và phục hồi chức năng cho NCT; mô hình cơ sở chăm sóc NCT; phát triển các cơ sở trợ giúp xã hội khu vực để chăm sóc, phục hồi chức năng cho NCT.

c) Triển khai các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức; khảo sát, đánh giá và thu thập thông tin về NCT.

e) Nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức và cộng tác viên làm công tác trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho NCT dựa vào cộng đồng.

g) Kiểm tra giám sát và tổng hợp, định kỳ báo cáo UBND tỉnh; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn theo đúng quy định.

3. Sở Tài chính: Tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý thực hiện Kế hoạch, đồng thời thực hiện quyết toán theo quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì thực hiện nhiệm vụ truyền thông nâng cao nhận thức về NCT và ứng phó với vấn đề già hóa dân số; phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến chức năng nhiệm vụ theo nội dung của Chương trình.

5. Sở Y tế chủ trì xây dựng kế hoạch, chỉ đạo hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe, phục hồi chức năng cho NCT; phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến chức năng nhiệm vụ theo nội dung của Chương trình.

6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; Phòng Văn hóa và Thông tin các huyện, thị xã, thành phố; Trung tâm Văn hoá - Thể thao các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao triển khai công tác tuyên truyền về Kế hoạch và lồng ghép vào nhiệm vụ chuyên môn hằng năm của đơn vị để thực hiện có hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về NCT, giai đoạn 2022 - 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

7. Sở Nội vụ chủ trì và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ Hội NCT, tham mưu UBND tỉnh giải quyết các thủ tục liên quan đến việc thành lập và hoạt động của Quỹ chăm sóc và phát huy vai trò NCT; phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến chức năng nhiệm vụ theo nội dung của Chương trình.

8. Sở Xây dựng chỉ đạo, hướng dẫn và thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát cho NCT có hoàn cảnh khó khăn; phối hợp với các Sở, ngành hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến chức năng nhiệm vụ theo nội dung của Chương trình.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ NCT tạo việc làm và thu nhập trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến chức năng nhiệm vụ theo nội dung của Chương trình.

10. Sở Giao thông vận tải thanh tra, kiểm tra, giám sát thực hiện giảm giá vé, phí dịch vụ đối với NCT tham gia giao thông; phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến chức năng nhiệm vụ theo nội dung của Chương trình.

11. Sở Tư pháp chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý đối với NCT; phối hợp với các sở, ngành hướng dẫn thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến chức năng nhiệm vụ theo nội dung của Chương trình.

12. UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và phê duyệt kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương; chủ động bố trí ngân sách, nhân lực để thực hiện Chương trình; định kỳ kiểm tra và báo cáo việc thực hiện Chương trình.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tham gia thực hiện Chương trình; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về chăm sóc và phát huy vai trò NCT; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về NCT.

14. Hội NCT tỉnh chủ trì, hướng dẫn các cấp hội triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “Nhân rộng mô hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau đến năm 2025”; củng cố, hướng dẫn phát triển Quỹ Chăm sóc và phát huy vai trò NCT ở cơ sở; triển khai các hoạt động thiết thực, hiệu quả “Tháng hành động vì NCT Việt Nam”; cuộc vận động “Toàn dân chăm sóc phụng dưỡng và phát huy vai trò NCT”; đẩy mạnh phong trào “Tuổi cao - Gương sáng”; tham gia, phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện Chương trình, xây dựng pháp luật, giám sát việc thực hiện pháp luật đối với NCT; thực hiện và triển khai nhiệm vụ chăm sóc và phát huy vai trò của NCT.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện. Định kỳ trước ngày 15/11 hằng năm báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- MTQVN tỉnh; các tổ chức chính trị XH;
- Các sở, ngành liên quan cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh